



**Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát
Đông Mai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5701355306

ngày 4 tháng 1 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5701355306 ngày 10 tháng 11 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp (nay đã được sáp nhập vào Sở Tài chính Tỉnh Quảng Ninh).

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng
Ông Vũ Trọng Giáp
Ông Shunjiro Suga
Ông Nguyễn Văn Hiền
Ông Vũ Tế Vị
Ông Phạm Văn Phú
Bà Đào Thị Xuyên

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 1/6/2025)
Thành viên (từ ngày 1/6/2025)
Thành viên (đến ngày 31/5/2025)
Thành viên (đến ngày 31/5/2025)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Nguyễn Văn Hiền
Ông Vũ Tế Vị

Giám đốc (từ ngày 12/3/2026)
Giám đốc (đến ngày 11/3/2026)

Trụ sở đăng ký

Xóm Đồi, Khu Tân Mai
Phường Đông Mai
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Báo cáo của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Văn Hiến
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 28 của báo cáo tài chính, trong đó mô tả một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, ngoại trừ các điều chỉnh hồi tố được mô tả tại Thuyết minh 28 của báo cáo tài chính này, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Như một phần của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh hồi tố áp dụng đối với các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại Thuyết minh 28 của báo cáo tài chính này. Chúng tôi không được bổ nhiệm để kiểm toán, soát xét hoặc thực hiện bất kỳ thủ tục nào liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ngoài các điều chỉnh hồi tố được mô tả tại Thuyết minh 28 của báo cáo tài chính. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác đối với báo cáo tài chính đó xét trên phương diện tổng thể. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh hồi tố được mô tả tại Thuyết minh 28 của báo cáo tài chính này là phù hợp và đã được áp dụng đúng đắn.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00289-26-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Y.N.H.H

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		194.446.298.381	179.991.512.694
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.679.993.908	39.177.388.180
Tiền	111		9.679.993.908	6.420.534.568
Các khoản tương đương tiền	112		-	32.756.853.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.481.315.068	20.963.844.084
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	51.481.315.068	20.963.844.084
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.827.945.795	59.169.051.595
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.875.799.395	39.811.752.737
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.127.174.836	3.214.718.184
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.656.703.714	16.974.312.824
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(831.732.150)	(831.732.150)
Hàng tồn kho	140		72.165.549.161	60.516.727.231
Hàng tồn kho	141	9	72.165.549.161	60.516.727.231
Tài sản ngắn hạn khác	150		291.494.449	164.501.604
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.828.415	26.007.491
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	240.666.034	138.494.113
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		139.375.205.457	132.630.971.540
Tài sản cố định	220		105.353.720.438	109.275.641.351
Tài sản cố định hữu hình	221	10	105.353.720.438	109.275.641.351
Nguyên giá	222		598.336.553.288	576.768.763.663
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(492.982.832.850)	(467.493.122.312)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		185.000.000	185.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(185.000.000)	(185.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		25.622.989.097	17.691.537.197
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	25.622.989.097	17.691.537.197
Tài sản dài hạn khác	260		8.398.495.922	5.663.792.992
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.398.495.922	5.663.792.992
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		333.821.503.838	312.622.484.234

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		252.250.069.867	249.148.226.181
Nợ ngắn hạn	310		176.600.069.867	144.244.686.733
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	45.914.269.815	69.565.605.073
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	118.501.118.675	53.982.456.668
Phải trả người lao động	314		9.467.486.892	8.173.539.372
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.830.284.333	1.757.180.986
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	886.910.152	765.904.634
Vay ngắn hạn	320	17(a)	-	10.000.000.000
Nợ dài hạn	330		75.650.000.000	104.903.539.448
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	50.000.000	29.303.539.448
Vay dài hạn	338	17(b)	75.600.000.000	75.600.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		81.571.433.971	63.474.258.053
Vốn chủ sở hữu	410	18	81.571.433.971	63.474.258.053
Vốn cổ phần	411	19	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.541.728.470	6.541.728.470
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.029.705.501	36.932.529.583
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		32.932.529.583	20.474.799.728
- LNST năm nay	421b		22.097.175.918	16.457.729.855
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		333.821.503.838	312.622.484.234

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiền
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng	01	21	787.596.674.437	676.227.965.777
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	367.428.112	264.520
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	21	787.229.246.325	676.227.701.257
Giá vốn hàng bán	11		753.272.379.288	649.806.023.997
Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		33.956.867.037	26.421.677.260
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.991.385.359	2.964.212.717
Chi phí tài chính	22	23	939.838.456	192.032.110
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		80.931.507	101.960.710
Chi phí bán hàng	25		851.361.554	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.500.884.526	8.454.254.699
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		27.656.167.860	20.739.603.168
Thu nhập khác	31		482.994.494	1.172.930.202
Chi phí khác	32		438.377.839	1.336.582.411
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		44.616.655	(163.652.209)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.700.784.515	20.575.950.959
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.603.608.597	4.118.221.104
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		22.097.175.918	16.457.729.855

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Văn Hiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	27.700.784.515	20.575.950.959
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	27.355.903.451	27.328.404.280
Các khoản dự phòng	03	-	831.732.150
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.367.093.018)	(2.268.710.238)
Chi phí lãi vay	06	80.931.507	101.960.710
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	51.770.526.455	46.569.337.861
Biến động các khoản phải thu	09	(1.320.278.493)	4.144.387.979
Biến động hàng tồn kho	10	(11.648.821.930)	34.712.955.318
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	12.157.992.985	(40.730.844.025)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.759.523.854)	(2.690.986.728)
		48.199.895.163	42.004.850.405
Tiền lãi vay đã trả	14	(82.383.562)	(101.960.710)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.506.703.432)	(1.547.420.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.610.808.169	40.355.469.067
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(32.161.915.917)	(11.717.928.438)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	168.926.364	59.937.885
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(102.998.748.688)	(33.720.697.696)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	72.481.277.704	32.756.853.612
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.402.258.096	2.407.570.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.108.202.441)	(10.214.264.001)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
			Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	39.866.156.470
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.000.000.000)	(29.866.156.470)
Tiền trả cổ tức cho các cổ đông	36	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.000.000.000)	6.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(29.497.394.272)	36.141.205.066
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	39.177.388.180	3.036.183.114
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	9.679.993.908	39.177.388.180

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiền
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, các vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát;
- Sản xuất chế biến và kinh doanh: Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, hương liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn tổng hợp, đồ uống;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước đá;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; và
- Sản xuất rượu vang.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 231 nhân viên (1/1/2025: 195 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

112
ÔN
TN
P
4 PI

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban lãnh đạo của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 32 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị dụng cụ quản lý	3,5 – 10 năm

12-
TY
H
IG
HA

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm chi phí sửa chữa và cải tạo máy móc và nhà xưởng. Các chi phí này được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

U
M
C
C
T
Y
C
O
P
H
A
N
B
I
A
V
À
N
U
O
C
G
I
A
K
H
Á
T
Đ
O
N
G
M
A
I

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	174.733.530	207.006.542
Tiền gửi ngân hàng	9.505.260.378	6.213.528.026
Các khoản tương đương tiền	-	32.756.853.612
	9.679.993.908	39.177.388.180

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	51.481.315.068	20.963.844.084

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 7,25%/năm (1/1/2025: 4,95%/năm). Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi ngắn hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ của chúng do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long – công ty mẹ	51.850.809.395	39.778.604.737
Công ty TNHH Bionu Việt Nam	24.990.000	30.300.000
Khách hàng khác	-	2.848.000
	<hr/>	<hr/>
	51.875.799.395	39.811.752.737

Khoản phải thu công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được trong vòng 30 ngày ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí và Môi trường Nam An	1.498.489.934	-
Công ty TNHH MTV Máy Thái Dương	671.800.000	671.800.000
Công ty TNHH Alfa Laval Việt Nam	383.700.000	708.850.000
Công ty TNHH DV Điện lạnh Minh Trường Phúc	-	883.536.600
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	489.555.680
Các nhà cung cấp khác	573.184.902	460.975.904
	<hr/>	<hr/>
	3.127.174.836	3.214.718.184

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Ký quỹ, ký cược	165.915.200	10.883.061.618
Tạm ứng	241.032.000	153.032.000
Phải thu chiết khấu mua hàng	5.653.702.802	5.246.791.625
Phải thu lãi tiền gửi	232.160.696	344.585.490
Phải thu ngắn hạn khác	363.893.016	346.842.091
	<hr/>	<hr/>
	6.656.703.714	16.974.312.824
	<hr/>	<hr/>

9. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.618.216.454	88.518.967
Nguyên vật liệu	50.321.297.845	42.423.050.314
Công cụ và dụng cụ	372.900.553	728.919.034
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.627.862.983	13.676.401.136
Thành phẩm	3.225.271.326	3.599.837.780
	<hr/>	<hr/>
	72.165.549.161	60.516.727.231
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	46.025.254.572	523.584.753.564	1.563.186.300	5.595.569.227	576.768.763.663
Tăng trong năm	405.229.154	10.608.549.000	-	-	11.013.778.154
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đờ đang (Thuyết minh 11)	-	12.511.871.032	-	-	12.511.871.032
Thanh lý	-	(1.914.359.925)	-	(43.499.636)	(1.957.859.561)
Số dư cuối năm	46.430.483.726	544.790.813.671	1.563.186.300	5.552.069.591	598.336.553.288
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.255.965.625	422.372.120.048	1.563.186.300	5.301.850.339	467.493.122.312
Khấu hao trong năm	1.970.695.867	25.290.712.371	-	94.495.213	27.355.903.451
Thanh lý	-	(1.822.693.277)	-	(43.499.636)	(1.866.192.913)
Số dư cuối năm	40.226.661.492	445.840.139.142	1.563.186.300	5.352.845.916	492.982.832.850
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.769.288.947	101.212.633.516	-	293.718.888	109.275.641.351
Số dư cuối năm	6.203.822.234	98.950.674.529	-	199.223.675	105.353.720.438

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 371.433 triệu VND (1/1/2025: 367.578 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	17.691.537.197	15.921.752.097
Tăng trong năm	20.443.322.932	2.873.165.100
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(12.511.871.032)	(1.103.380.000)
Số dư cuối năm	25.622.989.097	17.691.537.197

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Hệ thống xử lý nước thải	17.296.894.000	16.533.901.600
Hệ thống thanh trùng nhanh bia flexitherm	7.088.500.000	-
Các tài sản khác	1.237.595.097	1.157.635.597
Số dư cuối năm	25.622.989.097	17.691.537.197

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa lớn VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.591.137.728	-	2.072.655.264	5.663.792.992
Tăng trong năm	3.745.233.035	2.737.422.418	96.301.518	6.578.956.971
Phân loại lại	398.184.782	1.523.548.806	(1.921.733.588)	-
Phân bổ trong năm	(2.526.489.760)	(1.165.807.555)	(151.956.726)	(3.844.254.041)
Số dư cuối năm	5.208.065.785	3.095.163.669	95.266.468	8.398.495.922

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Hanacans	15.560.243.547	-
Chi nhánh Công ty TNHH Asia Packaging Industries Việt Nam tại Miền Bắc	12.151.096.132	40.901.095.877
Công ty LD TNHH Crown Hà Nội	2.536.544.243	9.369.905.176
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bắc Mỹ	1.980.828.432	5.107.158.779
Các nhà cung cấp khác	13.685.557.461	14.187.445.241
	45.914.269.815	69.565.605.073

14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.117.639.839	142.387.738.022	(136.105.417.940)	13.399.959.921
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	9.017.393.644	(9.017.393.644)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	42.335.805.397	641.531.929.784	(584.392.060.384)	99.475.674.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.506.703.432	5.603.608.597	(4.506.703.432)	5.603.608.597
Thuế thu nhập cá nhân	(138.494.113)	1.424.659.061	(1.526.830.982)	(240.666.034)
Thuế khác	22.308.000	805.038.505	(805.471.145)	21.875.360
	53.843.962.555	800.770.367.613	(736.353.877.527)	118.260.452.641
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu	(138.494.113)			(240.666.034)
Phải nộp	53.982.456.668			118.501.118.675

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí khuyến mại phải trả	1.108.840.854	1.105.775.074
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	721.443.479	651.405.912
	<hr/>	<hr/>
	1.830.284.333	1.757.180.986
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

16. Phải trả khác

(a) Phải trả khác – ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	335.729.315	192.513.116
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	462.000.000	462.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.180.837	111.391.518
	<hr/>	<hr/>
	886.910.152	765.904.634
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Phải trả khác – dài hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long – công ty mẹ	-	29.303.539.448
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	50.000.000	29.303.539.448
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (*)	VND	0%	2030	75.600.000.000	75.600.000.000

(*) Khoản vay từ công ty mẹ không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
			Đã điều chỉnh lại	
<i>Số dư tại ngày 1/1/2024 – theo báo cáo trước đây Điều chỉnh lại (Thuyết minh 28)</i>	20.000.000.000	6.541.728.470	22.920.870.418	49.462.598.888
	-	-	1.553.929.310	1.553.929.310
Số dư tại ngày 1/1/2024 – đã điều chỉnh lại	20.000.000.000	6.541.728.470	24.474.799.728	51.016.528.198
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại</i>	-	-	16.457.729.855	16.457.729.855
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – theo báo cáo trước đây Điều chỉnh lại (Thuyết minh 28)</i>	-	-	13.814.225.865	13.814.225.865
	-	-	2.643.503.990	2.643.503.990
<i>Cổ tức (Thuyết minh 20)</i>	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2025 – đã điều chỉnh lại	20.000.000.000	6.541.728.470	36.932.529.583	63.474.258.053
<i>Lợi nhuận thuần trong năm Cổ tức (Thuyết minh 20)</i>	-	-	22.097.175.918	22.097.175.918
	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	20.000.000.000	6.541.728.470	55.029.705.501	81.571.433.971

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.000.000	20.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	20.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	20.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết về cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	19.800.000.000	99%
Các cá nhân khác	200.000.000	1%
	20.000.000.000	100%

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2025, Đại hội cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 4.000.000.000 VND (2024: 4.000.000.000 VND).

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025	2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia thành phẩm các loại	787.596.674.437	676.227.965.777
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(367.428.112)	(264.520)
Doanh thu thuần	<u>787.229.246.325</u>	<u>676.227.701.257</u>

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025	2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.289.833.302	2.436.339.067
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	701.552.057	527.873.650
	<u>3.991.385.359</u>	<u>2.964.212.717</u>

23. Chi phí tài chính

	2025	2024
	VND	VND
Lãi vay	80.931.507	101.960.710
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	858.906.949	90.071.400
	<u>939.838.456</u>	<u>192.032.110</u>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.585.206.904	4.979.790.092
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.938.523	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.787.999.040	759.923.015
Chi phí dự phòng	-	831.732.150
Chi phí khác	2.013.740.059	1.882.809.442
	8.500.884.526	8.454.254.699

25. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu	668.051.729.259	572.857.245.051
Chi phí nhân viên	50.551.157.442	44.139.295.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.355.903.451	27.328.404.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.133.204.188	4.049.397.776
Chi phí bằng tiền khác	9.109.526.421	8.365.555.503
Chi phí dự phòng	-	831.732.150

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành Năm hiện hành	5.603.608.597	4.118.221.104

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.700.784.515	20.575.950.959
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.540.156.903	4.115.190.192
Chi phí không được khấu trừ thuế	63.451.694	3.030.912
	5.603.608.597	4.118.221.104

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long – công ty mẹ		
Bán hàng hóa	781.364.514.778	671.189.250.277
Thu hộ, trả hộ	3.802.460.199	-
Cổ tức	3.960.000.000	3.960.000.000
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	3.360.688.972	2.108.271.681

28. Thông tin so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban lãnh đạo Công ty đã phát hiện một số sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính năm trước liên quan đến việc hạch toán sai kỳ khoản chiết khấu thương mại mua hàng nhận được từ một bên thứ ba. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định điều chỉnh lại thông tin so sánh có liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – *Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2025	
		Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	11.727.521.199	5.246.791.625	16.974.312.824
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.933.098.343	1.049.358.325	53.982.456.668
<i>Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>3.457.345.107</i>	<i>1.049.358.325</i>	<i>4.506.703.432</i>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.735.096.283	4.197.433.300	36.932.529.583
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>18.920.870.418</i>	<i>1.553.929.310</i>	<i>20.474.799.728</i>
- <i>LNST năm nay</i>	<i>13.814.225.865</i>	<i>2.643.503.990</i>	<i>16.457.729.855</i>

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Giá vốn hàng bán	655.052.815.622	(5.246.791.625)	649.806.023.997
Lợi nhuận gộp về bán hàng	21.174.885.635	5.246.791.625	26.421.677.260
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.492.811.543	5.246.791.625	20.739.603.168
Thu nhập khác	3.115.341.840	(1.942.411.638)	1.172.930.202
Kết quả từ các hoạt động khác	1.778.759.429	(1.942.411.638)	(163.652.209)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.271.570.972	3.304.379.987	20.575.950.959
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.457.345.107	660.875.997	4.118.221.104
Lợi nhuận sau thuế TNDN	13.814.225.865	2.643.503.990	16.457.729.855

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2024		
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Đã điều chỉnh lại VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.271.570.972	3.304.379.987	20.575.950.959
Biến động các khoản phải thu	7.448.767.966	(3.304.379.987)	4.144.387.979

Ngoại trừ các thông tin so sánh được điều chỉnh lại như trình bày ở trên, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiền
Giám đốc